

ĐÔI BÀN CHÂN

Kiều Giang



ăm tôi lên ba tuổi, mỗi lần mẹ tôi ra ruộng cấy, bà thường đem gửi tôi cho cô Xuân, chỉ cách nhà tôi cái giậu dâm bụt. Ở miền Trung, tháng Mười, trời rét và chịu những cơn mưa đồng tầm tã, có khi kéo dài đến cả mười ngày, nên cô Xuân chẳng dám thả tôi ra nửa bước vì cô sợ tôi bị trượt chân ướt lạnh. Cô làm nghề kéo sợi dệt vải bông. Cô rất khéo tay, hình như cô làm được tất cả các khâu từ khi mua bông về, kéo sợi,...cho đến khi dệt xong một cây vải đem ra chợ bán. Mỗi lần cô quay chỉ, một tay đẩy bàn quay, tay kia cầm con cúi bông thả chỉ vào cuộn. Cô bắt tôi phải ngồi chết dúm trong lòng cô, lưng áp sát vào cái bụng bầu (cô đang mang thai 8 tháng), mắt tôi đăm đăm nhìn cuộn chỉ quay tít. Thình thoảng tôi thấy hình như có một cái chân vô hình thật bé đập nhẹ vào lưng tôi. Tôi ngước mắt lên nhìn cô Xuân, cô hiểu ý, giải thích: “Em ở trong bụng cô, nó đập con đấy”. Tôi cảm thấy rất tù túng khó chịu nhưng không dám đòi đi chơi vì sợ cô mách mẹ đánh đòn.

Ba tháng sau ngày cô Xuân sinh đứa con gái đầu lòng, mẹ tôi mới cho tôi qua nhà cô Xuân chơi. Mẹ giải thích: “Con còn bé mà vào buồng đàn bà đẻ, mai sau đầu óc mụ ra, học không được”. Tôi không hiểu vì sao, nhưng không dám trái lời mẹ. Lúc sau này thì tôi không còn vô dụng như hồi cô Xuân chưa sinh em bé. Không hiểu sao, khi không có tôi thì cô Xuân đặt chiếc nôi gần khung cửi để tiện ru con mỗi khi bé trở giấc, nhưng vừa thấy tôi sang thì cô lại đẩy nôi ra xa, đặt một chiếc ghế bên cạnh và bắt tôi ngồi đưa nôi ru em, chắc là cô muốn cho tôi có việc làm, không phải ngồi ỉu rĩ nhìn cô dệt vải. Tôi chỉ biết đưa tay lắc lay cái vành nôi chứ không hề biết hát một câu nào. Hai tay cô Xuân vẫn thoăn thoắt đưa thoi, nhưng thình thoảng liếc nhìn tôi mỉm cười, rồi bảo tôi hát theo cô: “ Con ơi ăn ngủ cho ngoan....Mai kia khôn lớn lo toan việc đời”. Tôi bập bẹ hát theo, ban đầu tôi thấy rất khó khăn, nhưng rồi tôi cũng thuộc. Cứ thuộc hết câu này cô lại dạy cho tôi câu khác: “Con chim đa đa ...nó đậu nhánh đa đa...Chồng gần không lấy...mà đi lấy chồng xa...Mai sau cha yếu...mẹ già...Chén cơm...đôi đũa...tách nước trà...ai dâng...”. Câu hát này dài quá, rất khó thuộc, nhưng cô động viên: “ Con giỏi lắm, cố lên rồi sẽ thuộc thôi mà, tối về hát cho mẹ nghe, mẹ sẽ khen và yêu con nhiều hơn đấy”. Sau này lớn lên tôi mới biết bài hát ấy chứa đầy tâm sự của cô, một người con Huế, vì hoàn cảnh mà phải đi lấy chồng xa. Thế rồi, nhờ cô Xuân và cái nôi nhà cô mà tôi đã thuộc được nhiều bài hát dân gian sâu lắng nghĩa tình. Đâu có ai ngờ, Sương, con bé nằm nôi, thường chìm sâu trong giấc ngủ, thắm đẫm những lời ru ngô nghê nguệch ngoạc của tôi, một cậu bé lên bốn, lên năm, cứ thế, hàng năm trời. Tôi nhớ nhất là những khi Sương thức giấc, mở mắt, nhìn tôi nhoeo miệng cười, đôi môi mọng đỏ như thiên thần. Thế rồi từ cái tâm trạng bị bắt buộc, tôi bỗng thấy thích thú khi được cô Xuân gọi bảo đưa nôi cho bé Sương. Tôi muốn được nhìn bé hươ tay trườn chân, đòi tôi bế, tôi muốn bế, nhưng cô Xuân không cho.

Thời gian trôi qua như một giấc mộng. Mới ngày nào Sương còn nằm nôi mà bây giờ đã là cô bé lên mười, biết phụ mẹ kéo sợi dệt vải, suốt ngày quanh quẩn bên mẹ, nước da cũng giống mẹ, trắng hồng. Mái tóc của Sương đen mượt, làm cho tôi nhớ đến những cô gái trong các tạp chí mà cậu Hai tôi mua từ tỉnh về cho tôi lấy giấy bao vở. Khi đến lớp, nhìn những cô gái trong tranh, tôi lại nhớ đến Sương, một nỗi nhớ thoáng qua nhưng tha thiết dịu dàng. Bé Sương còn có biệt danh là Bi Chai, do tôi đặt, vì đôi mắt em sâu tròn, con ngươi xanh biếc long lanh như hòn bi bằng chai mà mẹ đi chợ mua cho tôi đánh bi với bọn trẻ con trong xóm. Không hiểu sao, cô Xuân và cả Sương đều thích cái biệt danh ấy. Còn tôi thì cô gọi là Huy Đen, vì ngoài giờ đến trường cách nhà hành mấy cây số đi bộ, tôi còn phải phụ những việc nhẹ trong công việc đồng áng của Ba mẹ, nên nước da tôi nâu đen, Sương thường gọi tắt tên tôi là anh Đen, rồi có khi lại phá lên cười và chạy về nhà trốn mất.

Tôi thường được cô Xuân nhờ chỉ cho Sương học toán. Mỗi khi ngồi bên Sương, nghe cái mùi thơm của xà bông “Cô Ba” từ mái tóc thoảng ra cùng với mùi da thịt của Sương, làm cho tim tôi đập mạnh, lòng tôi rạo rực khó tả, và hình như tôi lại muốn giữ cái mùi hương ấy ở lại trong lồng ngực mình. Tôi không thể nào rời mắt khỏi đôi bàn tay búp măng ngà ngọc của Sương đang cố nắn nót từng chữ viết bằng cây bút lá tre cán gỗ. Đôi bàn tay ấy như thách thức đôi bàn tay chai sần thô kệch vì phải làm lụng vất vả của tôi. Không hiểu sao trong đầu tôi cứ xuất hiện sự so sánh giữa một bên là tấm thân ngà ngọc của nàng, còn bên kia là cái bộ tướng đen đui thô cứng, vai u thịt bắp của tôi. Có lẽ vì quá yêu thương nên tôi đã thần tượng hóa em rồi chăng?

Thế rồi một biến cố hết sức quan trọng xảy ra cho đời tôi và Sương, để giúp tôi hiểu được thế nào là nét đẹp của đôi bàn chân. Hôm ấy một buổi sáng mùa đông, trời không mưa, Sương đòi theo tôi ra đồng xem gặt lúa, bất chợt em vô tình trượt chân xuống ruộng, rồi bỗng em la hoảng: “ Đau quá! Đau quá!”. Sương cúi xuống ôm bàn chân rên

ri. Tôi vội chạy đến, một tay đỡ em, còn tay kia nâng bàn chân em lên xem, tôi hết hồn, một con đĩa trâu đang bám chặt vào cổ chân Sương. Tôi nhanh tay bóc con đĩa khỏi bàn chân em, máu ra ròng ròng. Tôi hoảng quá, không nói một lời nào, bế xốc Sương chạy một mạch về nhà. Sau khi rửa sạch vết thương bằng nước giếng ở góc sân, tôi tự nhai trầu với vôi đắp lên vết thương, mà không dám cho cô Xuân biết, sợ cô quở trách. Sương ngồi trên ghế, hai chân buông thõng. Tôi đưa tay đỡ bàn chân bị thương, ngược mắt nhìn em. Đôi mắt bồ câu như thăm thẳm in vào hồn tôi. Tôi cúi xuống nắn nót bàn chân và Sương không phản đối. Sương im lặng. Đến giờ phút này tôi mới đủ bình tĩnh để nhận ra rằng, đôi bàn chân nhỏ nhắn u thon (mặc dù không có tập tục bó chân như người Tàu), với những ngón chân khít vào nhau, trắng muốt, với tôi, nó đẹp đến nỗi tôi không bao giờ muốn buông nó ra nữa. Những ngày sau đó Sương thường đưa tay nín song cửa sổ nhìn sang nhà tôi, còn tôi thì giả vờ ra sau nhà xách nước để được thấy em. Cũng may vết đĩa không sâu, vết thương cũng nhanh lành. Từ đấy hình bóng Sương cứ đi theo tôi bất cứ lúc nào, cả trong giấc ngủ. Có đêm tôi mơ thấy nàng bị đĩa bám, khóc thét lên, ôm chặt lấy tôi, còn tôi thì thấy nuôi tiếc cái giấc mơ ấy khi giật mình thức dậy.

Mối tình thầm kín, thơ ngây, dân dã ấy hình như đã in sâu trong tâm hồn còn quá măng non của tôi. Nhưng rồi cũng đến lúc tôi phải giã từ Sương, cô bé tuổi 13, tâm hồn trong trắng như sữa của hạt gạo tháng mười, gương mặt hiền lành như vàng trắng rằm vừa lên khỏi đường chân trời ở đằng đông trong một đêm thu của đồng quê tĩnh lặng, để ra tỉnh học bậc Tú tài. Không biết nàng là Lọ Lem hay Bạch Tuyết trong cổ tích tôi. Tôi là một gã khờ chơi vơi trong vòng vây của hình bóng ấy.

Hôm tôi đi, Sương đưa tôi một quãng đường làng, em chớp mắt nhìn tôi rồi cúi mặt, tôi nắm tay Sương lặng lẽ, chẳng thốt được lời nào. Cuối cùng tôi buông tay nàng rồi quay đi. Được khoảng mười bước, tôi nhìn lại thì thấy Sương quay đầu chạy nhanh về nhà. Có lẽ em tôi đã khóc! Tôi cúi đầu, nặng nề bước về hướng đường cái quan, nơi có chuyến xe cuối cùng về tỉnh trong ngày.

Gần một năm trọ học ở thị xã, tháng nào tôi cũng viết thư cho Sương. Nàng hồi âm cho tôi bằng những cánh thư màu xanh, tình yêu bé bỏng thơ ngây của nàng như in trên nét chữ học trò viết bằng bút lá tre mực tím. Tôi âu yếm cẩn thận cất những cánh thư ấy ở tận đáy rương sách của cậu học trò tuổi mười bảy đang mơ.

Hè năm nay, tôi về quê thăm nhà, Sương cùng mấy đứa em tôi ra đón ở tận đầu làng. Đôi mắt “bi chai” long lanh, môi cười hớn hở nhưng có vẻ rụt rè, hai tay bá vào cổ của hai đứa em. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy Sương thay đổi quá nhiều. Nàng lớn như thổi, vóc dáng của một thiếu nữ chứ không còn như một cô bé mười ba, mái tóc đen huyền chảy xuống ngang vai, óng ánh trên chiếc áo lụa hoa, màu xanh ngọc. Tôi ngượng ngập lí nhí: “Mẹ em có khỏe không?”. Nàng vẫn cúi đầu, nói nhỏ: “ Dạ khỏe, mẹ vẫn thường nhắc đến anh”. Còn tôi, trong chỗ sâu thẳm của tâm hồn mình, tôi không thể nào quên cô, quên cái bàn chân bé bỏng trong bụng cô đập vào lưng tôi, khi tôi ngồi trong lòng cô, một buổi sáng mùa đông, mười bốn năm trước, cô ngồi kéo sợi. Ngay cái đêm mới về lại quê, tôi rủ Sương ra cánh đồng trơ gốc rạ tháng Năm, hai chúng tôi ngồi xuống bờ ruộng phủ một lớp cỏ khô. Trăng mười sáu vằng vặc tỏa xuống không gian tĩnh lặng êm đềm của một miền quê hiền hòa chịu thương chịu khó, soi rõ nét thanh tú trên khuôn mặt thoáng vẻ u buồn của Sương. Từng làn gió nhẹ thoảng qua làm cho hương tóc của Sương chập chờn trong khứu giác nhạy cảm của tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy như mình đang tan biến vào tình yêu thanh khiết, thánh thiện của nàng. Ngồi im lặng thật lâu tôi mới dám mở đầu câu chuyện:

-Anh thấy lúc này nước da em sạm nắng?

Sương liếc nhìn tôi, giọng tha thiết phân trần:

-Đã một năm nay mẹ em không còn dệt vải nữa. Bây giờ vải sợi dệt tay không còn bán được, thỉnh thoảng em phải ra đồng giúp Ba mẹ.

Tôi an ủi nàng:

-Trông em bây giờ như một thiếu nữ trưởng thành, da có ngăm một chút cho thêm rắn chắc. Có điều anh sợ là không biết em có đủ thời gian để học hành?

Nàng như hờn trách:

-Từ khi anh đi, em thành dốt toán. Còn văn thì cứ miệt mài vào những cánh thư chảy theo dòng thương nhớ. Vào lớp em cứ thần thờ cùng những lá thư anh gửi, có những đêm em lịm dần vào nỗi nhớ mênh mông.... Không biết rồi anh có bắt đền được cho em không?

Tôi như choáng ngợp trong những lời yêu thương của Sương. Tôi không ngờ tình yêu nàng dành cho tôi, đã bao lâu nay, được âm thầm giấu kín trong tận sâu thẳm trái tim nàng. Thời gian như ngừng lại, không gian tan vào cõi không

mơ hồ diệu vợi. Xa xa, thăm thẳm tiếng gà khuya giật mình cùng ánh trăng vô tình trải xuống cánh đồng quê đang yên ngủ. Tôi ngồi sát vào bên Sương, ngại ngủng:

-Anh xin cảm ơn trái tim thầm lặng của em, cảm ơn Thượng Đế đã đưa xuống trần gian một thiên thần bé bỏng cho anh. Thiên thần ấy sẽ ngự trị tâm hồn và cuộc đời anh mãi mãi.

Nàng ngậy thơ đáp lời tôi:

-Nhưng anh đã bỏ rơi thiên thần ấy lại chốn quê nghèo này để đi tìm một tương lai cho đời anh. Em cứ thấp thỏm đợi chờ và hồi hộp lo âu. Và em có linh tính hình như có một thế lực vô hình nào đang rình rập cướp mất tình ta.

Ba mẹ tôi bắt tôi phải học hành thành công để rộng đường tương lai cho tôi. Từ ngày bước chân lên tỉnh học, tôi thấy càng yêu cái quê hương nghèo khó của tôi, có lẽ vì nơi ấy có nàng. Tôi đâu có ngờ từ đây, đời tôi lại gắn với đời nàng. Mai này nếu tôi phải giã từ bờ tre gốc rạ của quê hương tôi để ra tỉnh sống, tôi không thể chỉ mang theo hình bóng của nàng mà phải mang theo cả cuộc đời nàng. Tôi tưởng tượng một ngày tôi được sống bên nàng, nâng niu chăm sóc cho nàng, tự nhiên tôi thấy tình yêu thật là cao quý và thiêng liêng biết chừng nào! Tôi đưa tay nắm bàn tay ngọc ngà của Sương, giọng run run thì thầm:

-Vâng, bây giờ anh hiểu rằng em là trái tim của anh, tình yêu của em là khí trời cho anh hít thở từng phút từng giây. Từ nay đời anh không thể thiếu em được. Nhưng anh cần phải học để chuẩn bị tương lai cho cuộc đời hai chúng mình. Xin em hãy chờ anh.

-Em sẽ mãi mãi chờ anh, chờ cho đến già đến chết mà...

Nhưng rồi nàng lại ngập ngừng:

-Nhưng cuộc đời con gái...em sợ lắm, đôi khi em nghĩ nó không còn là của riêng em!

Năm ấy, theo yêu cầu của Ba mẹ, tôi phải vào Sài Gòn để học đại học, nếu không sẽ phải vào lính, còn Sương, sau khi tốt nghiệp trung học, đành phải gác bút ở nhà giúp đỡ Ba mẹ nàng. Thế rồi cũng đến ngày chiến tranh bao trùm lên từng tấc đất, từng cọng rơm ngọn cỏ của quê hương tôi, mọi người phải dùm túm về thành phố. Ba mẹ tôi vào Nha Trang còn gia đình Sương chạy lên nương nấu với người bác ruột ở Pleiku. Tất cả sự chia ly bắt đầu từ đây. Tôi chỉ được Ba mẹ cho biết như thế, còn địa chỉ của gia đình Sương thì những người trong xóm cũng không ai biết. Mẹ tôi dỗ dành tôi: “ Khi ra đi người ta còn không kịp chào nhau một tiếng, huống hồ địa chỉ của nhau, biết được nơi phải đến cũng là may mắn lắm rồi. Mai kia lần nữa mẹ sẽ tìm cho con”.

Mấy năm sau, vì thấy tôi quá đau đớn, mẹ tôi cũng cố tìm, nhưng cũng chỉ nghe phong phanh là Sương đã lấy chồng. Chồng nàng là một sĩ quan không quân, đơn vị đóng ở Pleiku. Tháng Giêng năm 1974, vì giao thông đường bộ đã hoàn toàn bị cắt đứt, tôi mua vé bay ra Pleiku để tìm nàng, may ra còn được nhìn lại nàng, nhìn lại đôi bàn chân định mệnh của nàng lần cuối cùng. Suốt cả tuần, tôi đã lội hết các hang cùng ngõ hẻm, nhưng chỉ nhận được những cái lắc đầu. Nhiều đêm trắng, tôi lang thang trên những con phố trơn lầy đất đỏ, trời giá rét với những cơn mưa phùn cuối đông còn sót lại, xa xa vọng tiếng đại bác đi đùng, hình như tôi đã đi qua hầu hết các quán “cà-phê không ngủ”, nhưng hình bóng nàng vẫn mờ xa nơi chân trời vô định. Niềm hy vọng dần dần lịm tắt trong lòng tôi.

Sau biến cố năm 1975, tôi nghe hình như Sương đã theo chồng di tản ra nước ngoài. Còn tôi ở lại đây, ôm nỗi buồn của một trí thức mới học xong hôm qua mà hôm nay đã lỗi thời, trong một đất nước hoang tàn sau hơn hai mươi năm chiến tranh, lòng người ly tán...hoài nghi mọi thứ giá trị, chân và giả đều lẫn lộn trên đời này, vết thương của xã hội đang tiếp tục rỉ máu, chưa biết bao giờ sẽ lành. Nỗi cô đơn và sự trống rỗng đang xâm chiếm cõi lòng tôi. Tôi muốn trốn khỏi thành phố để quên đi sự phi lý của cuộc đời. Bây giờ tôi không còn quyền tra hỏi mà phải biến mọi thứ thành đức tin, một thứ đức tin mù quáng, cái mà Marx đã kích đến tận cùng. Tôi muốn trở về với những tháng ngày quê mùa dân dã, những ngày tôi đã sống với Sương, với tình yêu đầu đời trong suốt và long lanh như giọt sương mai. Tôi đã đăng ký vào thanh niên xung phong.

Những ngày sống với bưng biền địa vất, với cuộc rửa dao găm, làm cho tôi quên hết mọi thứ trên đời này. Duy chỉ có một thứ mà tôi không thể nào quên được, đó là những lời thổ thề ngây thơ, tình yêu thanh khiết của nàng. Bao nhiêu năm qua, hình như Thượng Đế đã đưa cột trên chiếc lưng trần của tôi, trên cuộc đời yếu đuối nhỏ nhoi bé bỏng và đôn hậu của nàng. Đôi bàn chân của nàng đã in lên đời tôi thành những dấu chấm. Chấm than, chấm hỏi, chấm treo và cuối cùng là chấm hết. Nhiều khi tôi hát nghêu ngao một mình trong bóng đêm: “Đôi bàn chân ấy dẫm tình anh.... Bao năm ru mãi dấu không lành.... Giữa đời gió cát em đâu ngõ.... Anh vẫn yêu hoài dẫu bàn chân...”. Thượng Đế đã đặt vào tay một cô bé nhà quê một phép màu để cô có thể cướp đi linh hồn tôi.

Rồi một hôm tôi trở về thăm ngôi nhà chỉ còn trơ những bức tường, mà tôi đã lớn lên bên cạnh nàng. Những ngọn dừa, bụi chuối đã bị bom đạn xé nát, chỉ còn trơ lại cái giếng khơi mà tôi thường xách nước để rửa chân cho nàng,

hình như vẫn âm thầm còn nguyên vẹn. Có lẽ nó muốn làm chứng cho mối tình đơn sơ mộc mạc nhưng sâu thẳm của tôi.

Ôi chiến tranh! Chiến tranh đã cướp đi bao nhiêu thứ của con người, trong đó có tình yêu của tôi. Nàng đã ra đi cùng với hàng triệu người khác. Một cuộc di dân hiếm thấy trên thế giới này. Họ đã vội vã bỏ lại sau lưng quê hương, bạn bè, người yêu..., mồ mả ông bà, để ra đi. Mà lý do cuộc phân ly vẫn còn là một chấm hỏi lớn của lịch sử. Người ta đã phải mất bao nhiêu thứ, còn tôi chỉ mất đôi bàn chân mà hình như tôi đã lỡ yêu thương từ trong bụng mẹ. Một bí ẩn đẫm chất thơ của cuộc đời này.